

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày:03/06/2022.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải.
- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Huỳnh Văn Hiệp
2. Bà Nguyễn Hồng Phụng
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Tiểu Loan - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 06 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 03 năm 2022 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐ-ST, ngày 12/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Ấp H xã T, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Tam trú: Số 30 G, B, xã B, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- *Bi đơn:* Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1989.(Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Con chung trên 07 tuổi: Cháu Nguyễn Văn Trường A, sinh ngày 10/6/2011

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2021, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Vào năm 2015 bà H và ông N kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống với nhau cũng H phúc cho đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và vợ chồng sống không H phúc vì vậy vợ chồng đã sống ly thân nhau hơn một năm không hàn gắn, đoàn tụ lại được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn N. Về con chung: Trong thời

gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn Trường A, sinh ngày 10/6/2011 và cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 5/11/2018 hiện nay cháu A đang sống với ông N còn cháu N đang sống chung với bà H. Nay về con chung bà H xin yêu cầu được dưỡng cháu N còn cháu A thì bà thống nhất để ông N nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và không nợ ai tài sản gì nên bà H không yêu cầu toà án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông Nợ thống nhất với lời trình bày của bà H về thủ tục kết hôn, về con chung cũng như về tài sản chung, nợ chung. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong việc giáo dục con, ngoài ra bà H có người đàn ông khác vì vậy vợ chồng sống không H phúc và đã sống ly thân nhau gần một năm. Nay về hôn nhân ông cũng đồng ý ly hôn với bà H, về con chung ông N thống nhất để cháu N cho bà H nuôi dưỡng, ông xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu A đến đủ 18 tuổi, ông N không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung thì vợ chồng tự thỏa thuận ông N không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX cho bà H được ly hôn với ông N, về con chung giao cho bà H được nuôi dưỡng cháu N còn cháu A thì giao cho ông N nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông N và bà H không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Do nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu xin xét xử vắng. Vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà H theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

- Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2015 và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất H phúc, sau đó đến năm 2020 thì vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và cuối cùng vợ chồng đã sống ly thân gần một năm cho đến nay không hàn gắn lại được.

Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông N và bà H không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không H phúc, ông bà đã sống ly thân thời gian dài mà không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình H phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông N là có căn cứ để chấp nhận theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, ông N và bà H đã có với nhau có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Trường A, sinh ngày 10/6/2011 và cháu Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 5/11/2018, hiện nay cháu A đang sống với ông N còn cháu N đang sống chung với bà H. Nay về con chung bà H xin yêu cầu được dưỡng cháu N còn cháu A thì bà thống nhất để ông N nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Nhi hiện còn nhỏ, từ trước đến nay cháu Nhi sống chung với bà H, do đó cần tiếp tục để cháu Nhi được sống chung với mẹ và giao cháu N cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi là phù hợp, còn cháu A thì tại phiên tòa nguyên vọng của cháu là xin được sống với cha vì vậy cần tiếp tục để cháu A sống chung với ông N và giao cho ông N được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu A là hợp lý. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con cho cả ông N và bà H không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà H và ông N thống nhất không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông N và bà H.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H.

- **Về hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

- **Về con chung:** Bà H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 5/11/2018 đến đủ 18 tuổi, ông N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Văn Trường A, sinh ngày 10/6/2011. Dành quyền thăm nom chăm sóc con cho ông N và bà H không ai được quyền cản trở.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có

- **Án phí hôn nhân sơ thẩm:** Bà H phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0009899, ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với nguyên đơn thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải

